

PHỤ LỤC SỐ 1

Tên công ty: Địa chỉ:
Điện thoại: MST:
Email:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế
huyện Tri Tôn

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Trãi,
thị trấn Tri Tôn, huyện Tri
Tôn, tỉnh An Giang

STT	QUY CÁCH- THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Bác sĩ (Gồm quần, nón, áo, khẩu trang, logo) Quy cách: - Áo Bác sĩ: kiểu blouse cổ bẻ danto, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, ngắn tay, phía trước có 3 túi, có phuy cài biên tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Quần Bác sĩ: kiểu quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Chất liệu, màu sắc: Áo: Chất liệu vải hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): $\geq 129.2 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10CM) :460x368 ± 2	Bộ	14

STT	QUY CÁCH- THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	+ Độ bền xé rách (N) : (DxN) 28.0x18.0 ±0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): (DxN) (-0.1)x(-0.1)±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp): 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 100% *Quần đối với nam: - Chất liệu vải kaki hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M²): $\geq 224.0 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10cm) 464x232 ±2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 103.7x70.3 ±0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 3x3 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.2)x(+0.4)±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP), 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 86.9 ±0.5 COTTON 13.1 ±0.5 *Quần đối với nữ: - Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương		

STT	QUY CÁCH- THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	- Màu sắc: màu trắng - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M²): $\geq 248.8 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10cm) 464x336 ± 2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 86.9x60.7 ± 0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.5)x(-0.5)± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 73.8 ± 0.5 RAYON 23.5 ± 0.5 SPANDEX 2.7 ± 0.5		
2	Dược sĩ (Gồm quần, nón, áo, khẩu trang, logo) Quy cách: - Áo Dược sĩ: kiểu blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 2 túi chéo và 1 túi ngực, có phuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - Quần dược sĩ: kiểu quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau Chất liệu, màu sắc: Áo: - Chất liệu vải kate hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M²): $\geq 129.2 \pm 0.2$	Bộ	21

STT	QUY CÁCH- THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	+ Mật độ vải (Sợi/10CM) :460x368 ±2 + Độ bền xé rách (N) : (DxN) 28.0x18.0 ±0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): (DxN) (-0.1)x(-0.1)±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp): 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 100% *Quần đối với nam: - Chất liệu vải kaki hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M²): $\geq 224.0 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10cm) 464x232 ±2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 103.7x70.3 ±0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 3x3 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.2)x(+0.4)±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP), 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 86.9 ±0.5 COTTON 13.1 ±0.5 *Quần đối với nữ: - Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương		

STT	QUY CÁCH- THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	- Màu sắc: màu trắng - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M²): $\geq 248.8 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10cm) 464x336 ± 2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 86.9x60.7 ± 0.2 + Độ vốn gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.5)x(-0.5)± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 73.8 ± 0.5 RAYON 23.5 ± 0.5 SPANDEX 2.7 ± 0.5		
3	Trang phục Điều dưỡng, Hộ sinh, Y sĩ ... (Gồm quần, nón, áo, khẩu trang, logo) Quy cách: - Áo: kiểu cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo qua hông (ngang với đầu ngón cái của bàn tay khi để song song với đùi), phía trước có 2 túi, có phuy cài biển tên trên ngực trái. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5cm. - Quần: kiểu quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Chất liệu, màu sắc: Áo: - Chất liệu vải kate hoặc tương đương. - Màu sắc: màu trắng. - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M²): $\geq 129.2 \pm 0.2$	Bộ	58

STT	QUY CÁCH- THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	+ Mật độ vải (Sợi/10CM) 460x368 ±2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 28.0x18.0 ±0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.1)x(-0.1)±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP), 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 100% *Quần đối với nam: - Chất liệu vải kaki hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M²): $\geq 224.0 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10cm) 464x232 ±2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 103.7x70.3 ±0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 3x3 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.2)x(+0.4)±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 86.9 ±0.5 COTTON 13.1 ±0.5 *Quần đối với nữ: - Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thành phần:		

STT	QUY CÁCH- THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	+ Khối lượng vải (G/M²): $\geq 248.8 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10cm) 464x336 ± 2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 86.9x60.7 ± 0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.5)x(-0.5) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 73.8 ± 0.5 RAYON 23.5 ± 0.5 SPANDEX 2.7 ± 0.5		
4	Trang phục Cử nhân, Kỹ thuật viên (Gồm quần, nón, áo, khẩu trang, logo) Quy cách: - Áo: kiểu cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo qua hông (ngang với đầu ngón cái của bàn tay khi để song song với đùi), phía trước có 3 túi, có phuy cài biển tên trên ngực trái. Áo vải kate Silk màu trắng. - Quần: kiểu quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Quần nam vải Kaki cotton màu trắng. Quần nữ vải kaki thun, co dãn màu trắng. Chất liệu, màu sắc: Áo: - Chất liệu vải kate hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M²): $\geq 129.2 \pm 0.2$	Bộ	9

STT	QUY CÁCH- THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	+ Mật độ vải (Sợi/10cm) 460x368 ±2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 28.0x18.0 ±0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.1)x(-0.1)±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 100% *Quần đối với nam: - Chất liệu vải kaki hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M2): $\geq 224.0 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10CM) 464x232 ±2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 103.7x70.3 ±0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 3x3 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.2)x(+0.4)±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 86.9 ±0.5 COTTON 13.1 ±0.5 *Quần đối với nữ: - Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thành phần:		

STT	QUY CÁCH- THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	+ Khối lượng vải (G/M²): $\geq 248.8 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10cm) 464x336 ± 2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 86.9x60.7 ± 0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.5)x(-0.5)± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 73.8 ± 0.5 RAYON 23.5 ± 0.5 SPANDEX 2.7 ± 0.5		
5	Trang phục hộ lý (Gồm quần, nón, áo, khẩu trang, logo) Quy cách: - Áo: kiểu cổ trái tim, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. - Quần: kiểu quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Chất liệu, màu sắc: Áo: - Chất liệu vải kate hoặc tương đương - Màu sắc: màu xanh hòa bình - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M²): $\geq 121.7 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10cm) 464x360 ± 2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 17.9x15.7 ± 0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4	Bộ	2

STT	QUY CÁCH- THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (DxN) $(-1.1) \times (-1.4) \pm 0.2$ + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 100% *Quần: - Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương - Màu sắc: màu xanh hòa bình - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M²): $\geq 259.5 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10cm) 464x344 ± 2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 68.7x47.4 ± 0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-2.2) \times (-4.1) \pm 0.2$ + Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 75.3 ± 0.5 - RAYON 22.4 ± 0.5 - SPANDEX 2.3 ± 0.5		
6	Hành chính Quy cách: - Áo: cổ sơ mi, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, có khuy cài biển tên trên ngực trái - Quần: kiểu quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Chất liệu, màu sắc:	Bộ	186

STT	QUY CÁCH- THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	*Áo: - Chất liệu vải kate mỹ hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M²): $\geq 109.8 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10cm) 370x304 ± 2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 36.2x38.9 ± 0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.1)x(-0.1)± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp), 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 81.7 ± 0.5 RAYON 18.3 ± 0.5 *Quần đùi với nam: - Chất liệu vải kaki hoặc tương đương - Màu sắc: màu đen - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M²): $\geq 226.1 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10cm) 428x212 ± 2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 40.0x24.6 ± 0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.9)x(+0.2)± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%)		

STT	QUY CÁCH- THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	POLYESTER 86.3 ±0.5 COTTON 13.7 ±0.5 *Quần đối với nữ: - Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương - Màu sắc: màu đen - Thành phần: + Khối lượng vải (G/M²) : $\geq 254.4 \pm 0.2$ + Mật độ vải (Sợi/10cm) 452x332 ±2 + Độ bền xé rách (N) (DxN) 48.5x36.5 ±0.2 + Độ vón gút sau 6 giờ (Cáo) (DxN) 4x4 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (0.5)x(-0.1)±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP), 2-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 72.4 ±0.5 RAYON 24.2 ±0.5 SPANDEX 3.4 ±0.5		

Bằng chữ: ... đồng

Điều khoản thương mại:

- Giá trên đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác.
- Hàng mới 100%, đảm bảo theo yêu cầu.
- Địa điểm giao hàng: Trung tâm Y tế huyện Tri Tôn
- Hiệu lực giá trị của báo giá: 90 ngày kể từ ngày
- Công ty... rất mong nhận được sự hợp tác của quý Cơ quan

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký tên, đóng dấu)